TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16 – 10 – 2018
"V/v Không công nhận quan hệ hôn nhân".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Kỉnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Văn Cho
2. Ông Cao Văn Chuộng
- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Lan Vân - Kiểm sát viên.
Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2018/TL.ST-HNGĐ, ngày 26 tháng 9 năm 2018 về việc "*Không công nhận quan hệ hôn nhân"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự.
1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Y P (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Láng Hầm, thị trấn Rạch Gòi, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trung T (có mặt)
Địa chỉ: Ấp Láng Hầm, thị trấn Rạch Gòi, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 26/9/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đỗ Y P trình bày: Bà và ông Nguyễn Trung T tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2015, không có tổ chức lễ cưới và không có D ký kết hôn theo quy định. Bà và ông T chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà và ông T bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên vợ chồng không còn chung sống với nhau cách đây khoảng 01 năm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông T. Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Hải D (nam), sinh ngày 11/8/2016. Cháu D hiện đang sống với ông T, sau khi ly hôn bà P đồng ý giao cháu D cho ông T nuôi dưỡng đến khi thành niên và không cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Do bà P bận đi làm ăn xa nên có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Trung T trình bày: Ông T thống nhất với phần trình bày của bà P về thời gian chung sống, việc không có D

ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng. Nay bà P yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý. Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Hải D (nam), sinh ngày 11/8/2016. Cháu D hiện đang sống với ông T, sau khi ly hôn ông T yêu cầu được nuôi cháu D đến khi thành niên và không yêu cấu bà P cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Đỗ Y P và ông Nguyễn Trung T là vợ chồng; về con chung: Giao cháu Đỗ Hải D (nam), sinh ngày 11/8/2016 cho ông T nuôi dưỡng, bà P không có nghĩa vụ cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Đỗ Y P và ông Nguyễn Trung T tự nguyện tiến tới hôn nhân, không tổ chức lễ cưới, không D ký kết hôn theo quy định và nay có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trung T nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "không công nhận quan hệ hôn nhân", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà P, ông T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, nhưng không có tổ chức lễ cưới và không D ký kết hôn theo quy định tại Điều 11, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình chung sống bà P, ông Khánh phát sinh mâu thuẫn nên đã không còn chung sống với nhau khoảng 01 năm và đến thời điểm ly hôn bà P, ông T vẫn chưa D ký kết hôn theo Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà Đỗ Y P và ông Nguyễn Trung T là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Bà P và ông T thống nhất giao cháu Đỗ Hải D (nam), sinh ngày 11/8/2016 cho ông T nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Bà P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3.4] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Đỗ Y P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Y P.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Đỗ Y P và ông Nguyễn Trung T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Đỗ Hải D (nam), sinh ngày 11/8/2016 cho ông T nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà P không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Bà P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Y P phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai số 0018497 ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà P đã nộp xong).

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Kỉnh

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.